CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2025

CTCP Đầu tư Phát triển Hạ tầng IDICO

Ngày 31/03/2025	17,900 VNĐ		
Thay đổi	*1 tháng*	*3 tháng*	*6 tháng*
	0%	**9.8%**	**11.9%**

DT thuần
Q1/25
113
tỷ VNĐ
QoQ: ▼32.0| -22.3%
YoY: ▲ 3.00| 2.4%

LN thuần
Q1/25
26.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.80| 28.6%
YoY: ▲ 7.80| 42.6%

LN sau thuế
Q1/25
58.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 42.6| 261%
YoY: ▲ 44.2| 301%

Tỷ suất lãi EBIT
Q1/25
77.0%
YoY: +/-▲ 53.3%

ROE (TTM)
Q1/25
20.4%
YoY: +/-▲ 7.4%

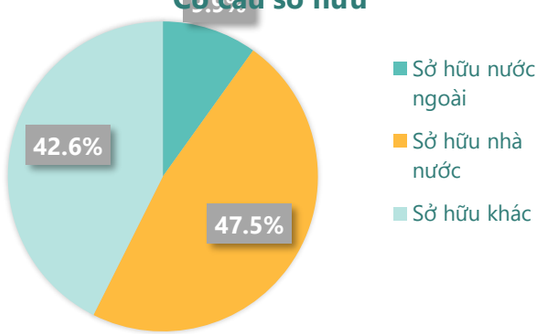
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	15,576 - 18,550
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	447
Số lượng CPLH (CP)	24,949,200
KLGD BQ 20 phiên (CP)	48,960
Sở hữu nước ngoài	9.9%
Beta	
EPS	4,326
P/E	4.1

DT thuần
2024
490
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 50.0| 11.2%

LN thuần
2024
79.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 8.10| 11.3%

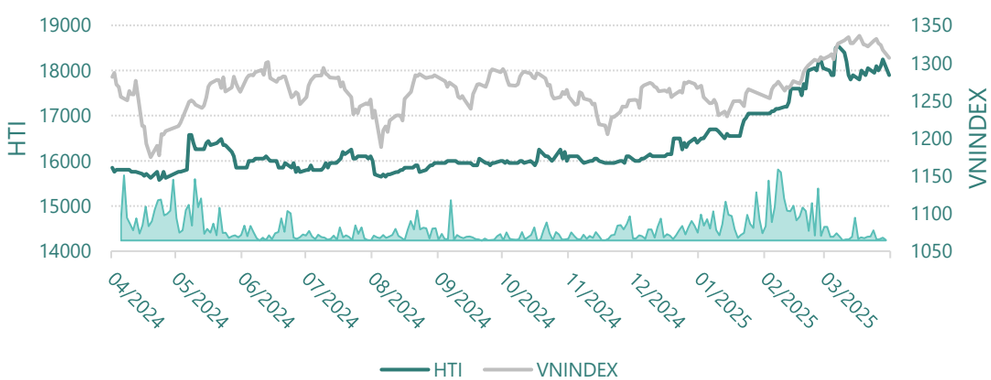
LN sau thuế
2024
63.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.50| 11.3%

Cơ cấu sở hữu

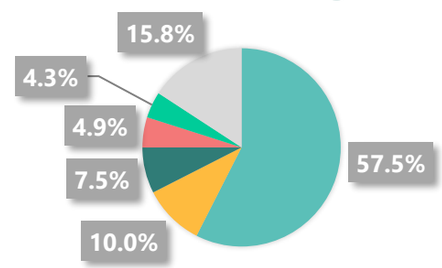


(Nguồn: fireant.vn)

Lịch sử giá



Cơ cấu cổ đông

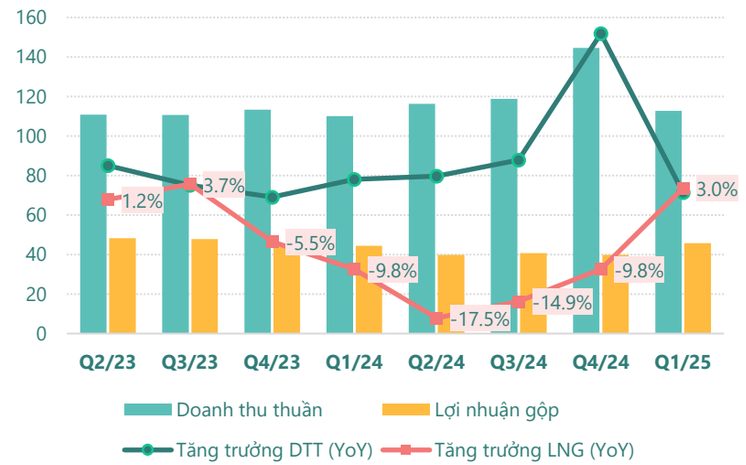


- Tổng công ty IDICO - CTCP
- Công ty TNHH MTV Phát triển đô thị và khu công nghiệp IDICO
- Finansia Syrus Securities Public Company Ltd
- America LLC
- CTCP Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO

(Nguồn: fireant.vn)

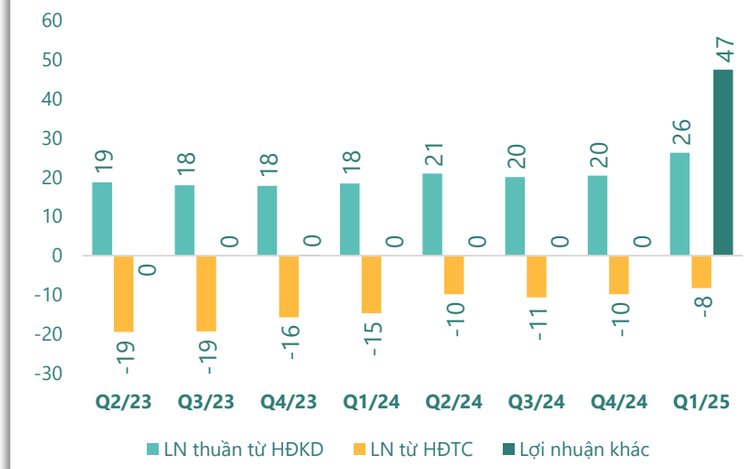
KẾT QUẢ KINH DOANH

Doanh thu thuần, Lợi nhuận gộp



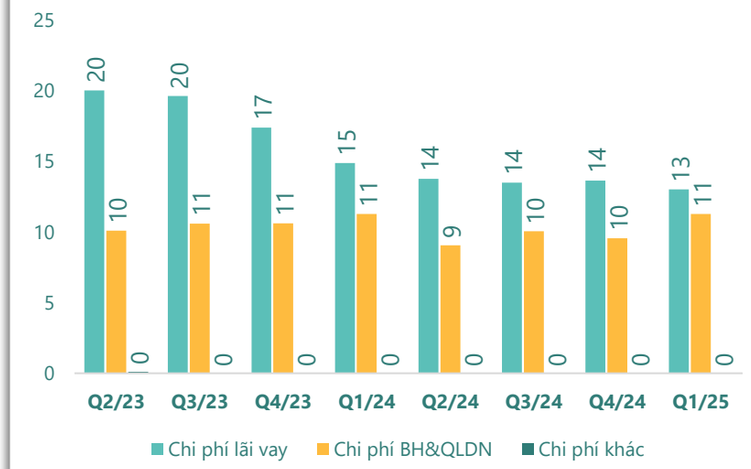
(Nguồn: fireant.vn)

Lợi nhuận



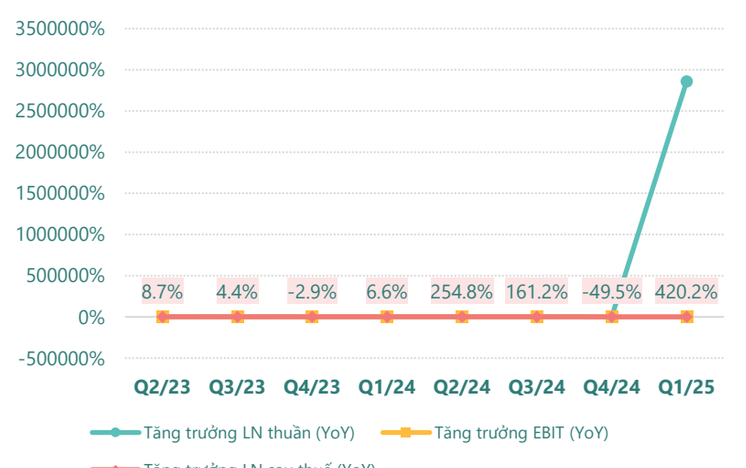
(Nguồn: fireant.vn)

Chi phí



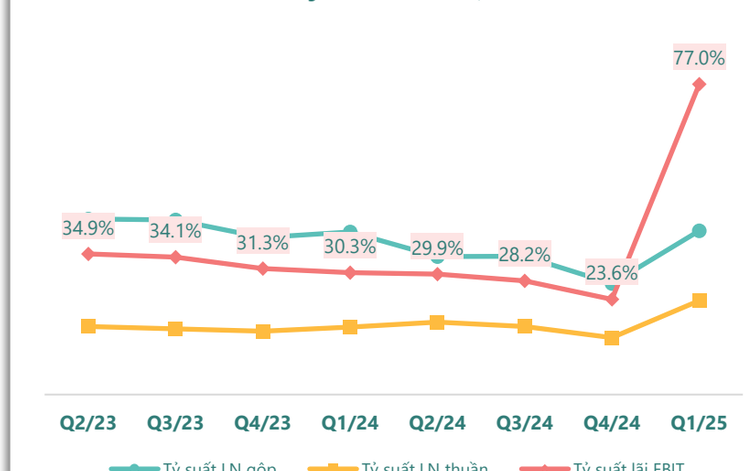
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng lợi nhuận



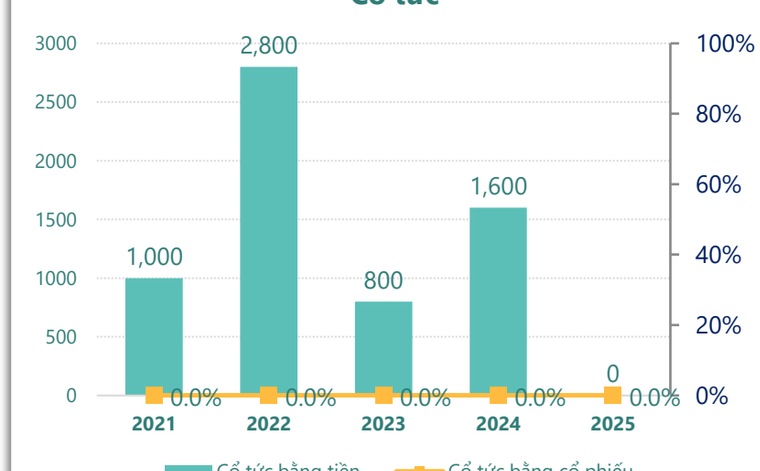
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



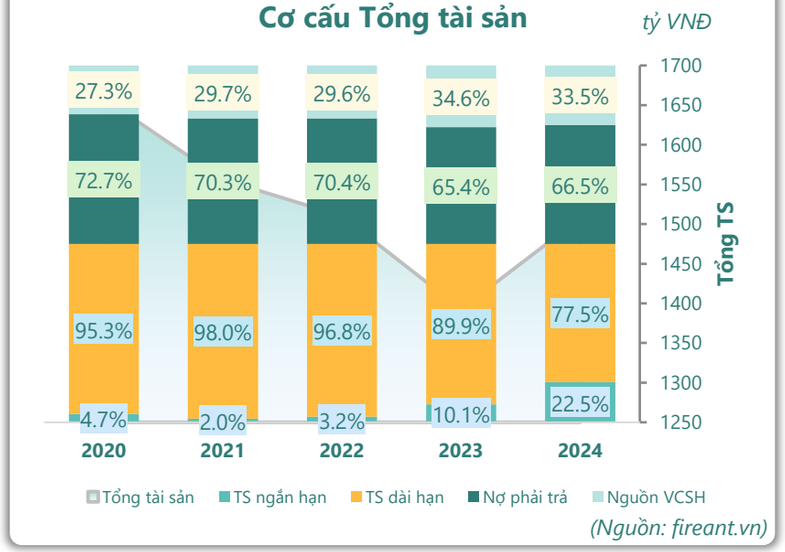
(Nguồn: fireant.vn)

Cổ tức

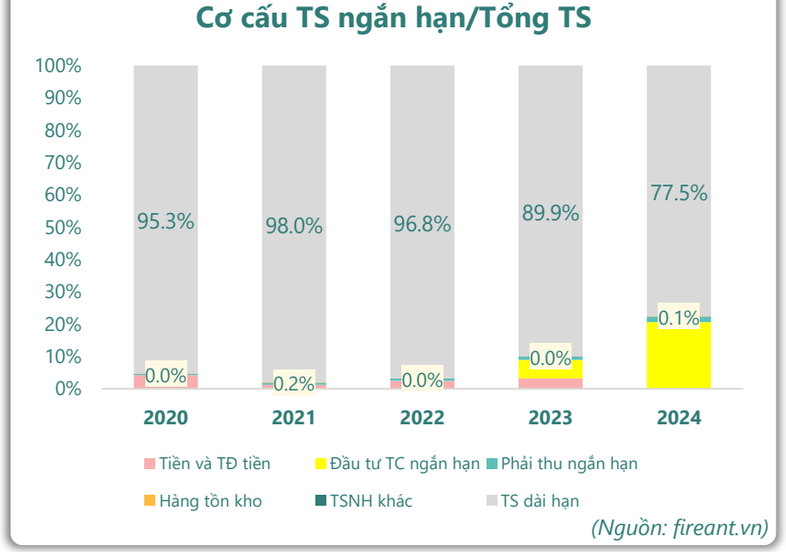


(Nguồn: fireant.vn)

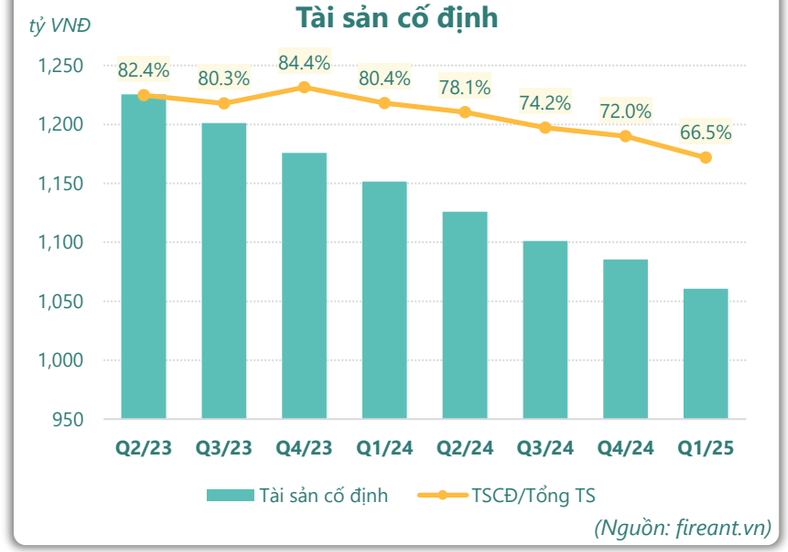
TÀI SẢN - NGUỒN VỐN



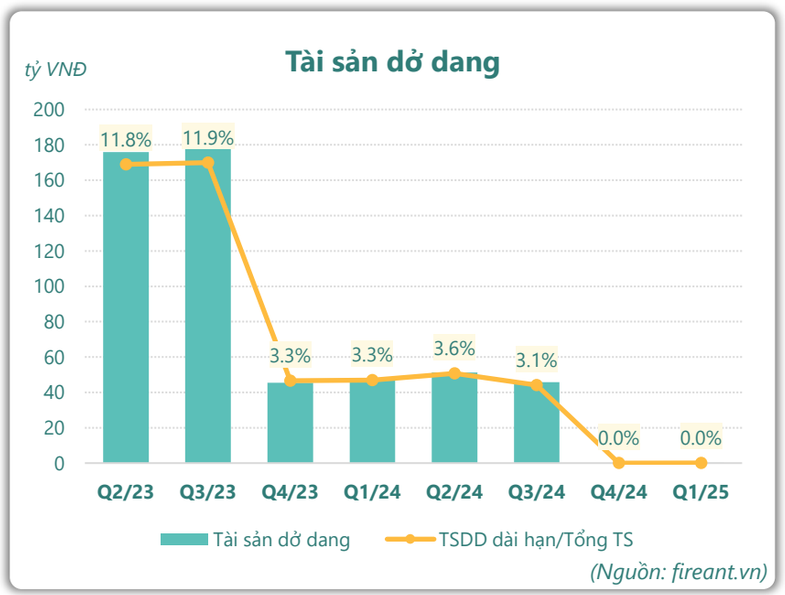
(Nguồn: fireant.vn)



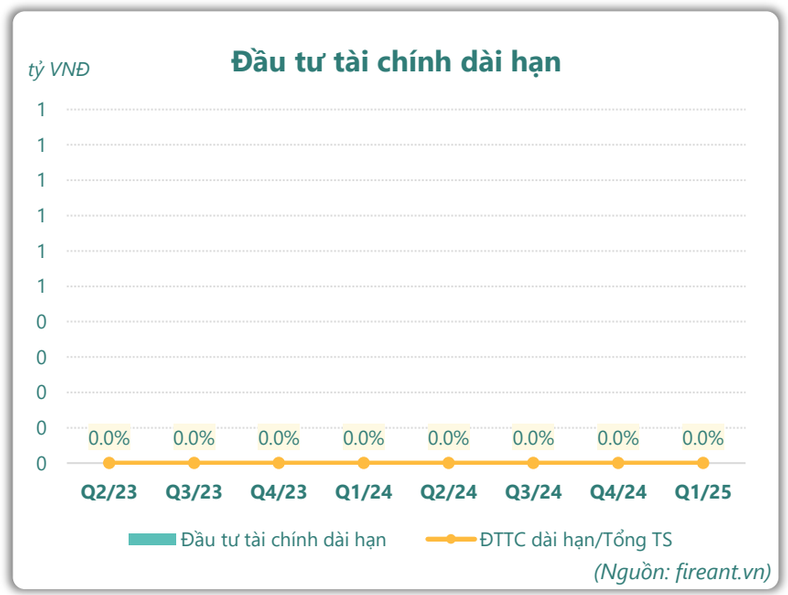
(Nguồn: fireant.vn)



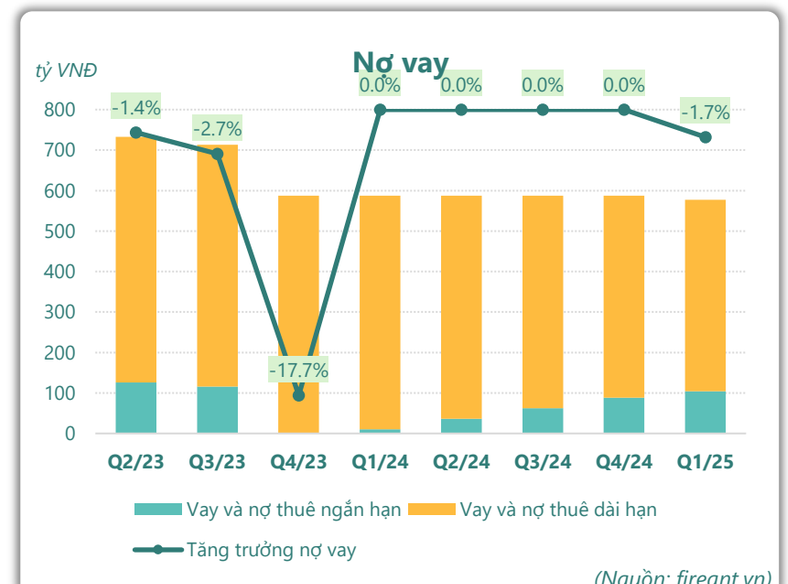
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)



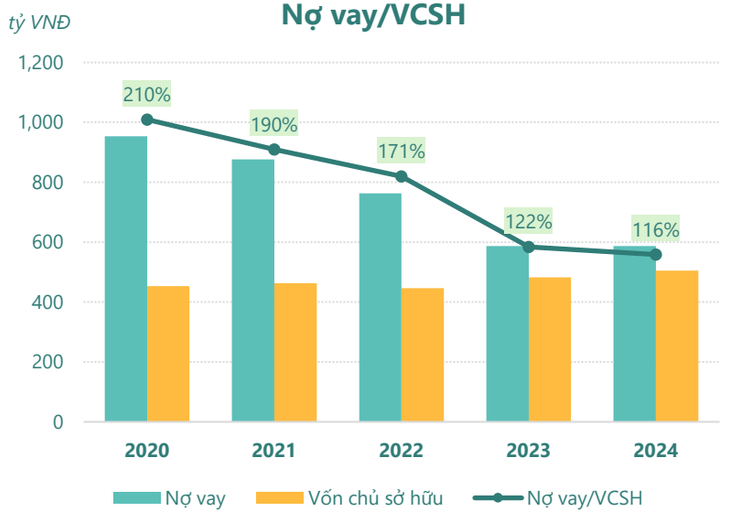
(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)

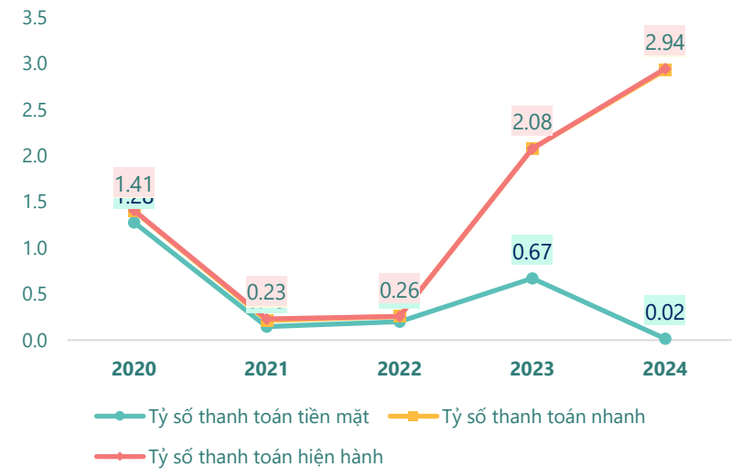
HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

Nợ vay/VCSH



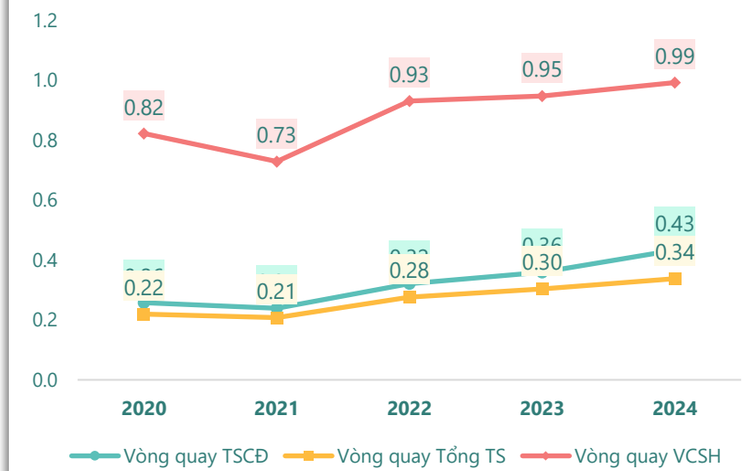
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



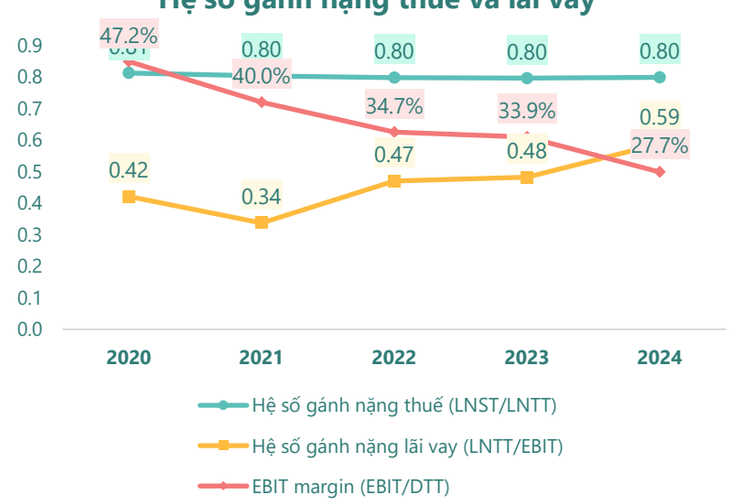
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



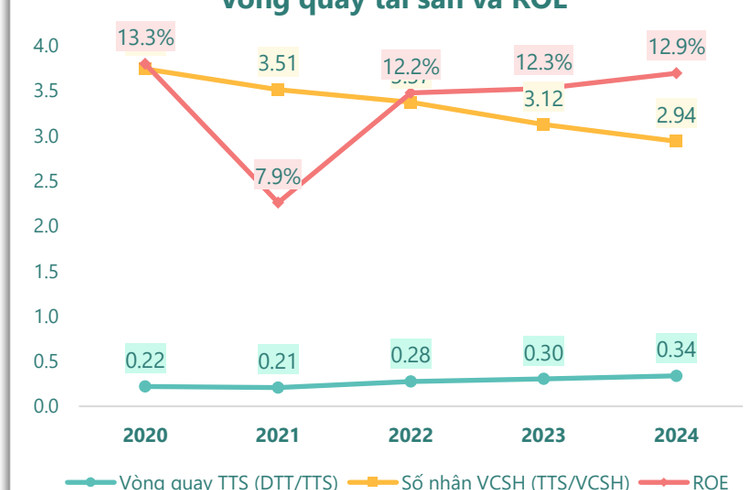
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



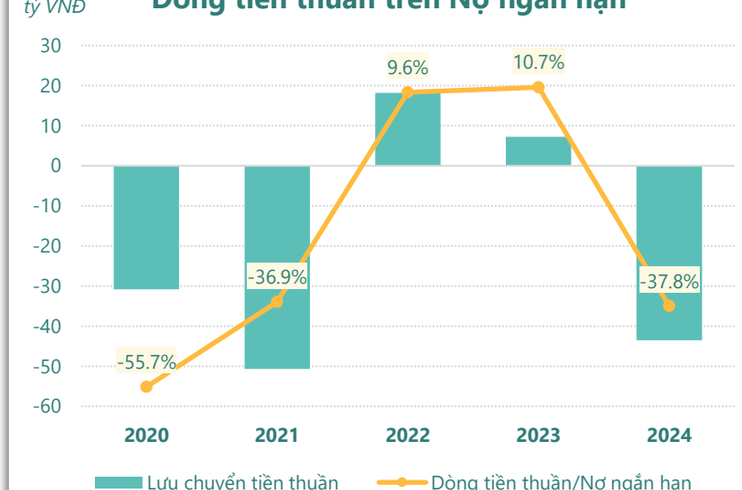
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**113**	**110**	**2.4%**	**490**	**440**	**11.2%**
Giá vốn hàng bán	67.0	65.7	1.9%	325	251	29.6%
Lợi nhuận gộp	45.7	44.4	3.0%	165	190	-13.1%
Doanh thu HĐTC	4.82	0.23	1998%	10.9	2.92	272%
Chi phí TC	13.0	14.9	-12.5%	55.8	77.3	-27.7%
Chi phí lãi vay	13.0	14.9	-12.5%	55.8	77.3	-27.7%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	9.81	9.53	2.9%	35.8	36.8	-2.8%
Chi phí QLDN	**1.47**	**1.77**	**-16.8%**	**4.16**	**6.63**	**-37.3%**
LN thuần từ HĐKD	26.2	18.4	42.6%	79.8	71.7	11.3%
Lợi nhuận khác	**47.4**	**0.00**		**0.08**	**0.26**	**-70.9%**
LN trước thuế	73.7	18.4	300%	79.9	72.0	11.0%
Lợi nhuận sau thuế	**58.9**	**14.7**	**301%**	**63.8**	**57.3**	**11.3%**
LNST của CĐ cty mẹ	**58.9**	**14.7**	**301%**	**63.8**	**57.3**	**11.3%**

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ (tỷ VNĐ)	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	28.6	59.7	59.9	60.6	39.7	58.2
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	86.9	-101	-19.7	-63.2	-40.3	-45.5
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-126	0	-39.7	-0.02	-0.05	-10.0
Tiền đầu kỳ	55.8	45.4	4.53	5.08	2.47	1.88
Lưu chuyển tiền thuần	**-10.4**	**-40.9**	**0.55**	**-2.61**	**-0.60**	**2.61**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	45.4	4.53	5.08	2.47	1.88	4.49

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**1,594**	**1,507**	**5.8%**
Tài sản ngắn hạn	480	339	41.6%
Tiền và tương đương tiền	4.49	1.88	139%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	423	309	36.8%
Phải thu ngắn hạn	42.9	26.0	65.1%
Hàng tồn kho	9.46	1.80	426%
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**1,114**	**1,168**	**-4.7%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	1,061	1,085	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.14	0	
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**53.0**	**82.8**	**-35.9%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,031	1,003	2.8%
Nợ ngắn hạn	**147**	**115**	**27.9%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	104	88.4	18.2%
Phải trả người bán ngắn hạn	3.24	8.41	-61.5%
Nợ dài hạn	883	888	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	473	499	-5.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**563**	**505**	**11.7%**
Vốn chủ sở hữu	**563**	**505**	**11.7%**
Vốn điều lệ	249	249	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)